

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/KDTM - ST

Ngày: 24/7/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Liên;
2. Ông Dương Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa – Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2019/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Bê tông H**

Địa chỉ: C22 đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: 184 đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công M - Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Phạm Phi L, sinh năm 1982 – Trưởng Ban pháp chế (Văn bản ủy quyền 15/12/2017)

*** Bị đơn: Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng V**

Địa chỉ: 115 KDC V, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Châu Thanh N – Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc (Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/6/2015, nguyên đơn và công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng V có ký kết hợp đồng mua bán số 62NT/HĐMB/2015, theo đó nguyên đơn sẽ cung cấp cho

bị đơn mặt hàng bê tông trộn sẵn. Cách thức thanh toán được thỏa thuận theo hợp đồng là thanh toán 100% giá trị tiền hàng sau khi nguyên đơn giao hàng xong trong vòng 02 ngày. Thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ cho bị đơn theo đặt hàng (các đợt giao hàng đều có biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu khối lượng và xuất hóa đơn), nhưng sau khi nhận hàng, phía bị đơn thường xuyên chậm thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Nguyên đơn đã nhiều lần cử nhân viên đôn đốc, tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn nợ. Vào ngày 27/02/2017 hai bên có lập biên bản làm việc nhằm đối chiếu công nợ, tại biên bản này phía bị đơn xác nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền gốc là 118.340.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/02/2017 là 10.034.987 đồng. Biên bản được lập có chữ ký của hai bên. Từ sau khi xác nhận công nợ, phía bị đơn chỉ tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 5.000.000 đồng, rồi để đến nay không tiếp tục thanh toán. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 113.340.000 đồng và tiền lãi trên số nợ gốc 138.340.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 27/6/2016 đến ngày trả dứt nợ.

Phía bị đơn – Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng V (gọi tắt là công ty V):

Tòa án không thực hiện được thủ tục tổng đạt trực tiếp cho bị đơn tại địa chỉ nơi bị đơn có đăng ký kinh doanh tại số 115 KDC V, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ do công ty thường xuyên đóng cửa, không có người nhận. Sở kế hoạch và Đầu tư đã xác định tại Công văn số 1768/ĐKKD ngày 02/4/2018 là công ty V hiện vẫn đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trên chưa đăng ký thay đổi thêm hoặc lập thủ tục giải thể. Do vậy xác định đây là nơi Tòa án tiến hành lập thủ tục niêm yết công khai, để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 113.340.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/6/2016 đến ngày 24/7/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 43.306.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về nội dung vụ án: Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã đủ căn cứ để chứng minh bị đơn còn nợ lại nguyên đơn tiền chi phí cung cấp bê tông trộn sẵn là 113.340.000 đồng và tiền lãi là 43.306.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*” giữa pháp nhân với pháp nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự, Luật Thương mại điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa chỉ nơi bị đơn đăng ký kinh doanh tại số 115 khu dân cư V, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ và tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường C. Nay căn cứ vào các thủ tục niêm yết đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179, 228 Bộ luật tố tụng dân sự là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Hợp đồng mua bán số 62NT/HDMB/2015 do nguyên đơn cung cấp, có dấu mộc và chữ ký của bị đơn chứng minh được giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thật. Khi thực hiện hợp đồng, ở mỗi đợt giao hàng hai bên có đối chiếu nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng hóa và nguyên đơn có xuất hóa đơn, chứng từ đúng quy định. Về số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn được thể hiện tại biên bản làm việc ngày 27/02/2017 (bản chính), có chữ ký xác nhận nợ của bị đơn. Do vậy, đây là căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 113.340.000 đồng.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng mua bán đã ký giữa các bên thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền hàng trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận hàng. Như vậy, quá thời hạn nêu trên thì bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm trả trên số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 27/6/2016 đến ngày 24/7/2019 là: 43.306.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 156.646.000 đồng.

[4] *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí là 5% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 179, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 24, Điều 50 và 306 Luật Thương mại.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng V (có đại diện theo pháp luật là ông Châu Thanh N) phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Bê tông H số tiền mua bán hàng hóa gốc còn nợ là 113.340.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/7/2019 là 43.306.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 156.646.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại:

- Bị đơn phải chịu: 7.832.000 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại: 3.307.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008852 ngày 29/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận N;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ